

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 70/2012/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 28 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tổ chức quản lý, khai thác và mức hỗ trợ
bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên các công trình kết cấu hạ tầng
do cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước ngày 03/6/2008;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 52/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định 114/2010/NĐ-CP ngày 06/12/2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ, Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới và Đề án xây dựng Chương trình xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2012/NQ-HĐND ngày 14/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XIV kỳ họp thứ 6 về chính sách hỗ trợ công tác tổ chức quản lý khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa thường xuyên các công trình kết cấu hạ tầng do cấp xã quản lý;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình Liên sở số 270/TTrLS-SNN-STC ngày 28/12/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định tổ chức quản lý, khai thác và mức hỗ trợ bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên các công trình kết cấu hạ tầng do cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Lào Cai”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 55/2007/QĐ-UBND ngày 09/8/2007 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình cơ sở hạ tầng nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai; bãi bỏ mục III, Khoản 2, Điều 1 Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 08/02/2012 của UBND tỉnh phê duyệt mức khoán chi sửa chữa thường xuyên đường bộ do địa phương quản lý và hỗ trợ duy tu bảo dưỡng đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn, các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Nguyễn Văn Vịnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Tổ chức quản lý, khai thác và mức hỗ trợ bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên các công trình kết cấu hạ tầng do cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Lào Cai

*(Kèm theo Quyết định số: 70/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục tiêu

Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và mọi tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong công tác quản lý khai thác và bảo vệ các công trình cơ sở hạ tầng nông thôn; tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của cán bộ, nhân dân về phát huy tự lực, tự cường, khai thác tối đa nguồn lực trong nhân dân, góp phần sử dụng hiệu quả các cơ sở hạ tầng thực hiện thành công chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Các công trình kết cấu hạ tầng trong quy định này là các công trình giao cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) tổ chức quản lý, khai thác, bảo vệ, bảo dưỡng và sửa chữa thường xuyên, gồm:

a) Công trình thủy lợi và phòng chống lụt bão: Gồm công trình phục vụ tưới tiêu, các tuyến kè chống sạt lở bờ sông suối không gắn với đường giao thông;

b) Công trình đường giao thông từ xã xuống các thôn, đường liên thôn đường trục thôn bản, đường ngõ xóm, đường trục chính ra đồng ruộng (bao gồm cả các công trình thoát nước và phòng hộ theo các tuyến đường);

c) Công trình cấp nước sinh hoạt khu vực nông thôn;

d) Công trình trụ sở làm việc các cơ quan: Trường học, Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã; Trạm y tế xã (bao gồm cả các công trình phụ và hệ thống điện nước tiêu dùng);

đ) Công trình chợ khu vực nông thôn;

e) Hệ thống truyền thanh xã gồm trạm truyền thanh xã và cụm loa truyền thanh thôn bản, tổ dân phố;

g) Công trình nhà văn hoá, nghĩa trang và các công trình công cộng khác của xã hoặc thôn, bản, tổ dân phố.

2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân được hưởng lợi và các cơ quan, tổ

chức, cá nhân có trách nhiệm liên quan đến quản lý, khai thác, bảo vệ công trình kết cấu hạ tầng của xã.

Điều 3. Nguyên tắc

1. Về tổ chức quản lý:

a) Chủ đầu tư xây dựng công trình, sau khi xây dựng xong phải bàn giao công trình và hồ sơ công trình cho Ủy ban nhân dân xã tiếp nhận và hướng dẫn công tác quản lý sau đầu tư bảo đảm công trình phát huy hiệu quả;

b) Ủy ban nhân dân xã giao nhiệm vụ cho Ban thủy lợi xã thành lập theo Nghị quyết 05/2007/NQ-HĐND để chỉ đạo quản lý công trình thủy lợi tưới tiêu, công trình kè sông suối và công trình cấp nước sinh hoạt; các công trình còn lại giao cho Ban quản lý dự án phát triển nông thôn mới giúp UBND xã chỉ đạo tổ chức quản lý. Các phường, thị trấn thành lập một Ban quản lý khai thác công trình (kiêm nhiệm) giúp UBND chỉ đạo công tác quản lý khai thác, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa thường xuyên công trình.

c) Mỗi công trình được giao cho một tổ chức hoặc cá nhân cụ thể trực tiếp vận hành, duy tu bảo dưỡng, bảo vệ và sửa chữa thường xuyên. Những công trình chưa có chủ thể quản lý, Ủy ban nhân dân xã phải giao bằng văn bản rõ ranh giới và ưu tiên cho các tổ chức hợp tác, Ban phát triển nông thôn mới của thôn hoặc các hội, đoàn thể quần chúng, người dân hưởng lợi được tham gia quản lý, tạo việc làm thu nhập. Công trình theo tuyến liên xã thì UBND huyện có trách nhiệm chỉ đạo các xã thống nhất biện pháp quản lý, phát huy hiệu quả chung.

2. Nguồn kinh phí bảo đảm cho hoạt động duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên được ngân sách Nhà nước hỗ trợ, huy động đóng góp tự nguyện của nhân dân, nguồn thu phí theo quy định của pháp luật cho từng loại hình công trình và nguồn hợp pháp khác.

3. Nhà nước chỉ hỗ trợ cho các công trình đầu tư bằng nguồn ngân sách Nhà nước hoặc nguồn tài trợ theo các chương trình, dự án.

4. Khi công trình bị sự cố hư hỏng đột xuất thì Ủy ban nhân dân xã chủ động chỉ đạo huy động nhân dân đóng góp tự nguyện để khắc phục ngay đảm bảo sớm khôi phục sản xuất, an sinh xã hội. Ngân sách Nhà nước sẽ xem xét hỗ trợ vật tư kỹ thuật, máy móc thiết bị, lao động kỹ thuật để khắc phục khi nguồn kinh phí thường xuyên không đủ chi phí theo trình tự: Ngân sách cấp dưới giải quyết trước, khi thiếu nguồn thì lập dự toán báo cáo ngân sách cấp trên xem xét giải quyết.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Tổ chức quản lý, khai thác các công trình kết cấu hạ tầng của xã

1. Chủ đầu tư xây dựng các công trình, sau khi xây dựng xong có trách nhiệm bàn giao hồ sơ xây dựng công trình và hướng dẫn cho xã tổ chức quản lý, vận

hành, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa thường xuyên đảm bảo công trình phát huy tốt hiệu quả.

2. Ủy ban nhân dân xã là Chủ sở hữu các công trình kết cấu hạ tầng được giao trên địa bàn, được sử dụng Ban thủy lợi giúp Ủy ban nhân dân chỉ đạo tổ chức quản lý công trình tưới tiêu, công trình kè sông suối và công trình cấp nước sinh hoạt; các công trình còn lại giao cho Ban quản lý Dự án phát triển nông thôn mới giúp Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo tổ chức quản lý. Các phường, thị trấn được thành lập một Ban quản lý công trình hạ tầng để giúp Ủy ban nhân dân chỉ đạo tổ chức quản lý tất cả các công trình trên địa bàn (sau đây gọi chung là Ban quản lý công trình xã).

Ban quản lý công trình xã là tổ chức hoạt động kiêm nhiệm, cơ cấu tổ chức gồm 01 Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã kiêm Trưởng Ban, kế toán ngân sách xã kiêm kế toán Ban và cán bộ chuyên môn theo dõi hoạt động quản lý khai thác theo các loại hình công trình.

3. Mỗi công trình được giao cho một tổ chức hoặc cá nhân cụ thể trực tiếp vận hành, duy tu bảo dưỡng, bảo vệ và sửa chữa thường xuyên. Tùy theo quy mô, đặc điểm công trình, tính chất kỹ thuật quản lý, Ủy ban nhân dân xã lựa chọn giao công trình cho các mô hình đơn vị trực tiếp quản lý như sau:

a) Công trình thủy lợi và phòng chống lụt bão:

- Công trình tưới tiêu tự chảy trong phạm vi Hợp tác xã nông nghiệp thì giao cho HTX nông nghiệp quản lý;

- Công trình tưới tiêu tự chảy ở nơi chưa có HTX thì giao cho Tổ quản lý do cộng đồng bầu chọn hoặc cá nhân quản lý;

- Công trình tưới tiêu tự chảy liên xã thì trong phạm vi mỗi xã giao cho HTX hoặc Tổ quản lý. Đơn vị trực tiếp quản lý thuộc xã đầu nguồn có trách nhiệm vận hành phân phối nước đúng theo thiết kế cho xã hưởng lợi tiếp theo. Hàng năm Phòng Nông nghiệp và PTNT (Phòng Kinh tế) tổ chức cuộc họp liên các xã hưởng lợi để xem xét những khó khăn nảy sinh và bàn biện pháp khắc phục, đảm bảo điều tiết đủ nước tưới tiêu theo hệ thống công trình;

- Công trình tưới tiêu liên xã bằng hệ thống đường ống áp lực thì Ủy ban nhân dân huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí một số biên chế sự nghiệp trực thuộc Phòng Nông nghiệp và PTNT để trực tiếp vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa trực đường ống chính và chỉ đạo các tổ chức quản lý thủy nông nội đồng giao cho các xã hưởng lợi quản lý;

- Các tuyến kè sông, suối xây kiên cố sau khi nhận bàn giao đưa vào khai thác sử dụng, Ủy ban nhân dân xã giao cho thôn bản tự quản hoặc giao cho tổ chức đoàn thể trong xã để bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên.

b) Công trình đường giao thông: Giao cho thôn bản tự quản hoặc các tổ chức đoàn thể trong xã có đơn xin nhận quản lý. Khi giao nhiệm vụ quản lý, UBND xã phải giao bằng văn bản ghi rõ phạm vi, ranh giới quản lý và nhiệm vụ cụ thể, đảm

bảo các đơn vị quản lý vừa được ký hợp đồng bảo dưỡng vừa có trách nhiệm theo dõi kiểm tra trong suốt thời gian sử dụng;

c) Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung:

- Lựa chọn giao công trình cho một trong các mô hình doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ quản lý do cộng đồng bầu chọn hoặc khoán cho tổ chức, cá nhân trong xã có đơn xin quản lý. Đối với công trình cấp nước liên xã thì Ủy ban nhân dân xã hưởng lợi nhiều nhất chủ trì thực hiện thủ tục giao công trình cho tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, trước khi giao, Ủy ban nhân dân xã chủ trì mời Phòng Nông nghiệp và PTNT và UBND các xã hưởng lợi bàn bạc thống nhất lựa chọn mô hình và phương án quản lý chung;

- Khi giao quyền quản lý khai thác công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, UBND xã phải giao bằng văn bản rõ phạm vi, ranh giới phục vụ, không chia cắt công trình để giao cho nhiều chủ thể quản lý để đảm bảo tính hệ thống của công trình;

d) Công trình trụ sở làm việc các cơ quan trường học, trụ sở Đảng uỷ, HĐND, UBND xã, Trạm y tế xã do người đứng đầu cơ quan sử dụng công trình chịu trách nhiệm quản lý. Hàng năm lập kế hoạch duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên báo cáo Ủy ban nhân dân xã giám sát thực hiện;

đ) Công trình chợ nông thôn: Giao cho Ban quản lý chợ hoặc tổ chức, cá nhân trong xã đầu thầu quản lý;

e) Hệ thống truyền thanh: Trạm truyền thanh xã giao Ban văn hoá xã quản lý khai thác sử dụng và chỉ đạo tổ chức quản lý cụm loa truyền thanh thôn bản. Cụm loa truyền thanh thôn bản, tổ dân phố giao trưởng thôn, Tổ trưởng dân phố quản lý khai thác, sử dụng;

g) Công trình nhà văn hoá thôn bản, tổ dân phố, nghĩa trang và các công trình phúc lợi công cộng khác của xã giao cho trưởng thôn, tổ trưởng dân phố hoặc tổ chức cá nhân trong xã có đơn nhận quản lý khai thác và làm dịch vụ.

4. Tất cả các công trình kết cấu hạ tầng của xã (trừ các công trình nhà trụ sở cơ quan) đã giao cho tổ chức cá nhân quản lý nhưng hoạt động kém hiệu quả, UBND xã phải chỉ đạo kiện toàn lại hoặc chuyển giao công trình cho tổ chức, cá nhân khác có năng lực tốt hơn quản lý.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ công tác duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình kết cấu hạ tầng của xã

1. Công trình thủy lợi và phòng chống lụt bão:

a) Đối với công trình thủy lợi tưới tiêu: Kinh phí hỗ trợ bảo dưỡng sửa chữa từ nguồn cấp bù thủy lợi phí, định mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 26/2011/NQ-HĐND ngày 16/11/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chính sách miễn thu thủy lợi phí theo Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lào Cai và Quyết định số 58/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Quy định quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chính sách miễn thu thủy lợi phí theo Nghị định

số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Khi Nhà nước thay đổi mức thu, mức cấp bù thủy lợi phí do trượt giá thì Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh định mức, phân bổ, sử dụng kinh phí bằng hệ số trượt giá;

b) Đối với công trình kè sông biên giới, kè suối biên giới, kè sông nội địa xây kiên cố: Mức hỗ trợ 10 triệu đồng/km/năm từ nguồn ngân sách Nhà nước;

c) Đối với kè suối nội địa xây kiên cố: Mức hỗ trợ 03 triệu đồng/km/năm từ nguồn ngân sách Nhà nước.

2. Công trình cấp nước sinh hoạt:

a) Công trình cấp nước tập trung: Kinh phí duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên từ nguồn thu tiền nước của người hưởng lợi và nguồn hỗ trợ sửa chữa công trình từ ngân sách, thực hiện theo Nghị quyết số 33/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định thu tiền sử dụng nước sinh hoạt và mức hỗ trợ sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt tập trung khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai và Quyết định số 59/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về thu tiền sử dụng nước sinh hoạt và mức hỗ trợ sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt tập trung khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Khi đầu tư xây dựng mới công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, Chủ đầu tư lập dự toán trang bị một bộ dụng cụ sửa chữa đường ống từ nguồn kinh phí đầu tư xây dựng;

b) Công trình cấp nước phân tán do ngân sách Nhà nước hỗ trợ xây dựng cho hộ, nhóm hộ thì do hộ, nhóm hộ đóng góp tự nguyện để bảo dưỡng, sửa chữa.

3. Công trình giao thông:

a) Đối với đường từ xã xuống thôn, đường liên thôn cấp B trở lên: Mức hỗ trợ 800.000 đ/km/năm cho đường từ xã xuống thôn, đường liên thôn có bề rộng nền đường $B_n > 4m$ (mặt đường là đất hoặc rải cấp phối); 1.000.000 đ/km/năm cho đường từ xã xuống thôn, đường liên thôn có $B_n > 4m$ (mặt đường bê tông); 600.000 đ/km/năm cho đường từ xã xuống thôn, đường liên thôn có bề rộng nền đường B_n từ 2,5m đến $< 4m$;

b) Đối với đường trục giao thông nội đồng: Mức hỗ trợ cho 800.000 đồng/km/năm đối với đường có bề rộng nền đường B_n từ 3,5m trở lên; 600.000 đ/km đối với đường có bề rộng nền từ 2,5m đến nhỏ hơn 3,5m;

c) Đối với cầu, ngàm tràn trên các trục đường từ xã xuống thôn, đường liên thôn và đường trục chính nội đồng: Mức hỗ trợ: 100.000 đ/m dài/năm;

d) Đối với đường của xã, thôn có chiều rộng nền đường nhỏ hơn 2,5m, UBND xã tổ chức phát động phong trào đoàn thể và nhân dân đóng góp tự nguyện để duy tu, bảo dưỡng công trình.

4. Công trình trụ sở xã, trường học, trạm y tế: Mức chi bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên được trích trong chi phí thường xuyên của đơn vị sử dụng công trình là 5.000 đ/m² xây dựng nhà 1 tầng; 7.000 đ/m² sàn nhà khung 2 tầng trở lên.

5. Công trình chợ nông thôn: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ sửa chữa mức 03 triệu đồng/01 chợ/năm (chợ loại III) ngoài nguồn thu lệ phí chợ.

6. Hệ thống truyền thanh:

a) Đối với trạm truyền thanh xã: Mức hỗ trợ 04 triệu đồng/trạm/năm để chi trả tiền điện và bảo dưỡng, sửa chữa nhà trạm, thiết bị (ngoài mức chi hoạt động 04 triệu đồng/trạm/năm đã thực hiện theo Nghị quyết số 25/2010/NQ-HĐND ngày 17/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh);

b) Đối với cụm loa truyền thanh thôn, bản, tổ dân phố: Mức hỗ trợ là 02 triệu đồng/cụm/năm, trong đó kinh phí hỗ trợ hoạt động 01 triệu đồng/cụm/năm, kinh phí bảo dưỡng sửa chữa thiết bị và trả tiền điện 01 triệu đồng/cụm/năm.

7. Công trình nhà sinh hoạt cộng đồng, nghĩa trang và các công trình công cộng khác của xã hoặc thôn, bản là công trình phúc lợi của cộng đồng, khuyến khích xã, thôn bản tổ chức các dịch vụ tạo nguồn thu để bù đắp chi phí bảo dưỡng công trình, UBND xã hỗ trợ chỉ đạo đơn vị quản lý lập kế hoạch và huy động đóng góp tự nguyện của nhân dân để duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên.

8. Các tổ chức quản lý Nhà nước và các tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác công trình kết cấu hạ tầng của xã được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý.

Điều 6. Quản lý và sử dụng nguồn kinh phí

1. Ủy ban nhân dân xã lập kế hoạch huy động đóng góp tự nguyện của nhân dân, mở sổ sách theo dõi và công khai các khoản thu, chi theo quy định.

2. Hàng năm, Ủy ban nhân dân xã xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước, trình Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp xét duyệt, chi theo luật ngân sách Nhà nước qua ngân sách xã. Các đơn vị quản lý trụ sở xã, trường học, trạm y tế xây dựng dự toán chi cho duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên trích từ nguồn chi thường xuyên và thông báo cho Ủy ban nhân dân xã giám sát thực hiện.

3. Căn cứ tình hình thực tế có thể lồng ghép nguồn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước với nguồn đóng góp tự nguyện của nhân dân để thực hiện có hiệu quả công tác duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn.

Điều 7. Trình tự, nội dung thực hiện công tác tổ chức quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình kết cấu hạ tầng của xã

1. Rà soát kiện toàn tổ chức quản lý:

Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm thường xuyên theo dõi chỉ đạo kiện toàn tổ chức, xây dựng quy chế hoạt động của các đơn vị trực tiếp quản lý công trình; cử cán bộ tham gia các khoá đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý công trình do cơ quan có thẩm quyền tổ chức và có năng lực thực hiện công việc này; sử dụng ổn định cán bộ đã qua đào tạo để nâng cao năng lực quản lý, bảo trì các công trình hạ tầng của xã.

2. Lập hồ sơ quản lý, bảo trì công trình:

a) Những công trình xây dựng mới có kỹ thuật vận hành phức tạp phải có quy

trình vận hành do đơn vị tư vấn thiết kế hoặc nhà thầu cung cấp thiết bị lập và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cùng với phê duyệt đầu tư xây dựng công trình. Chủ đầu tư bàn giao và hướng dẫn quy trình vận hành cho Ban quản lý công trình xã và đơn vị khai thác sử dụng công trình;

b) Những công trình đơn giản và các công trình trước đây không có quy trình thì các sở chuyên ngành hướng dẫn để đơn vị khai thác sử dụng đưa vào nội dung quy chế hoạt động của đơn vị làm căn cứ thực hiện;

c) Hồ sơ để quản lý bảo trì công trình gồm có:

- Hồ sơ bàn giao công trình đưa vào sử dụng gồm: Biên bản bàn giao, bản vẽ hoàn công, quyết định phê duyệt đầu tư, quyết toán vốn đầu tư, quy trình vận hành quản lý (nếu có). Đối với công trình đơn giản và công trình trước đây không còn hồ sơ bàn giao thì Ban quản lý công trình xã lập sơ đồ tổng thể công trình hoặc sổ thống kê hạng mục công trình để quản lý;

- Quyết định thành lập, kiện toàn tổ chức quản lý công trình;
- Quy chế vận hành bảo trì công trình;
- Sổ theo dõi quá trình quản lý, vận hành công trình;
- Hồ sơ thanh quyết toán tài chính của công trình trong quá trình khai thác sử dụng;
- Các hồ sơ tài liệu khác có liên quan;

d) Người đứng đầu các tổ chức quản lý công trình hạ tầng của xã có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản hồ sơ quản lý, bảo trì công trình. Khi có sự thay đổi người đứng đầu tổ chức quản lý, phải bàn giao hồ sơ và nhiệm vụ cho người mới bổ nhiệm để tiếp tục quản lý theo dõi thực hiện.

3. Kiểm tra công trình thường xuyên, định kỳ và đột xuất.

a) Kiểm tra công trình là việc khảo sát tại hiện trường, phát hiện hư hỏng, sự cố, đo đạc và đánh giá tình trạng hư hỏng xuống cấp của công trình, nhằm thu thập số liệu phục vụ xây dựng kế hoạch duy tu bảo dưỡng, sửa chữa hoặc báo cáo theo yêu cầu của cấp trên;

b) Kiểm tra công trình gồm:

- Kiểm tra thường xuyên của người vận hành phục vụ công tác vận hành và tự khắc phục hư hỏng nhỏ;

- Kiểm tra định kỳ do người đứng đầu đơn vị khai thác sử dụng thực hiện phục vụ công tác lập và triển khai thực hiện kế hoạch duy tu bảo dưỡng, sửa chữa hàng năm;

- Kiểm tra đột xuất khi phát hiện công trình có sự cố hoặc nguy cơ xảy ra sự cố, sau mỗi trận mưa lũ lớn hoặc theo yêu cầu thông kê báo cáo của cấp trên. Người đứng đầu đơn vị khai thác sử dụng tổ chức kiểm tra đột xuất, thống kê hư hỏng, đề xuất biện pháp khắc phục báo cáo Ủy ban nhân dân xã. Trường hợp kiểm tra công trình có tính chất kỹ thuật phức tạp, hoặc phát hiện có nguy cơ mất an toàn tính mạng tài sản nhân dân thì Ủy ban nhân dân xã kiến nghị cơ quan chuyên môn cấp trên cử cán bộ giúp đỡ kiểm định và chỉ đạo các biện pháp khắc phục đảm bảo an toàn.

4. Trình tự lập, giao dự toán, cấp phát và thanh quyết toán kinh phí duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình:

a) Đối với công trình thủy lợi: Kinh phí hỗ trợ bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên bố trí từ nguồn cấp bù thủy lợi phí. Định mức chi, trình tự lập, giao dự toán, cấp phát và thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định tại Quyết định số 58/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

b) Đối với công trình cấp nước sinh hoạt tập trung: Kinh phí duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên bố trí từ nguồn thu tiền nước của người hưởng lợi và nguồn hỗ trợ sửa chữa công trình từ ngân sách. Định mức chi, trình tự lập, giao dự toán, cấp phát và thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định tại Quyết định số 59/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

c) Đối với công trình kè sông suối, công trình giao thông, chợ nông thôn, hệ thống truyền thanh:

- Ban quản lý công trình xã chủ trì lập dự toán kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trình Ủy ban nhân dân xã xem xét tổng hợp vào một mục riêng trong dự toán ngân sách xã gửi Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Phòng Tài chính Kế hoạch cùng với thời gian gửi dự toán ngân sách hàng năm. Phòng Tài chính Kế hoạch chủ trì phối hợp với các Phòng, ban cùng cấp thẩm định dự toán của các xã và tổng hợp vào một mục riêng trong dự toán ngân sách huyện, thành phố gửi Sở Tài chính cùng với thời gian lập, gửi dự toán ngân sách hàng năm. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở ngành liên quan thẩm định, tổng hợp trong dự toán ngân sách tỉnh hàng năm.

- Căn cứ Quyết định giao dự toán của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính thông báo bổ sung dự toán kinh phí cho các huyện, thành phố. Phòng Tài chính Kế hoạch căn cứ Quyết định giao dự toán của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện thông báo bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các xã. Ủy ban nhân dân xã thực hiện rút vốn ngân sách cấp phát, thanh toán kinh phí cho các tổ chức, cá nhân theo đúng quy định. Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên cùng với quyết toán ngân sách xã hàng năm.

d) Đối với công trình Trụ sở làm việc, trường học, trạm y tế: Đơn vị sử dụng công trình chủ động lập dự toán, trích nguồn chi thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị mình theo quy định, tự phê duyệt, tổ chức thực hiện và thông báo cho Ủy ban nhân dân xã biết để theo dõi giám sát, tổng hợp báo cáo cấp trên.

đ) Đối với công trình công cộng của xã phải huy động cộng đồng đóng góp tự nguyện để duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên: Ban quản lý công trình xã chỉ đạo các tổ chức, cá nhân được giao khai thác sử dụng công trình lập kế hoạch huy động hàng năm, lấy ý kiến thỏa thuận của cộng đồng, tổng hợp trên địa bàn toàn xã trình Ủy ban nhân dân xã phê duyệt để tổ chức thực hiện.

e) Trong quá trình xây dựng kế hoạch đến khi kết thúc thực hiện các đơn vị thực hiện phải quản lý hồ sơ, chứng từ, lưu trữ đầy đủ theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên, phục vụ báo cáo, kiểm tra, giám sát đúng theo quy định.

f) Kết thúc năm, kinh phí duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình chưa sử dụng hết được phép chuyển nguồn sang năm sau tiếp tục sử dụng. Không được sử dụng vào mục đích khác.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Phân công trách nhiệm

1. Các cơ quan nhà nước theo ngành dọc cấp tỉnh, cấp huyện chịu trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, vận hành, bảo trì công trình cơ sở hạ tầng của xã:

a) Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo Chi cục Thủy lợi, Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, Phòng Nông nghiệp và PTNT (kinh tế) hướng dẫn kiểm tra công tác tổ chức quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình thủy lợi, công trình kè chống sạt lở bờ sông suối và công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn;

b) Sở Giao thông vận tải chỉ đạo Phòng Kinh tế và Hạ tầng hướng dẫn, kiểm tra công tác tổ chức quản lý khai thác và bảo dưỡng thường xuyên công trình giao thông;

c) Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối các nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí hỗ trợ bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình kết cấu hạ tầng của xã hàng năm; hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ quản lý, sử dụng nguồn hỗ trợ từ Ngân sách để bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên các công trình hạ tầng của xã theo Quy định này; chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu xây dựng, điều chỉnh mức hỗ trợ bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình kết cấu hạ tầng của xã phù hợp với tình hình giá cả và chính sách của Nhà nước trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Các sở Xây dựng, Giáo dục; Y tế, Công Thương, Thông tin Truyền thông theo chức năng nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra công tác tổ chức quản lý, bảo trì công trình do ngành quản lý sử dụng;

đ) Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng tài nguyên đất; Tài nguyên nước gắn với quản lý các công trình hạ tầng của xã.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm:

a) Tổ chức tuyên truyền, giáo dục nhân dân chấp hành tốt các quy định của pháp luật về phạm vi đất dành cho công trình và các quy định về quản lý khai thác, bảo vệ các công trình kết cấu hạ tầng;

b) Xây dựng, tổng hợp kế hoạch, thẩm tra, phê chuẩn kế hoạch kinh phí duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên cho các xã theo phân cấp quản lý ngân sách;

c) Kiểm tra đôn đốc công tác tổ chức quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình trên địa bàn;

d) Quản lý, sử dụng quỹ đất trong và ngoài hành lang an toàn của các công trình

theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm và kịp thời các trường hợp lấn chiếm sử dụng trái phép đất trong hành lang an toàn của công trình;

đ) Phối hợp các đơn vị quản lý chuyên ngành và các lực lượng liên quan chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình;

e) Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ và khắc phục kịp thời công trình khi có sự cố do thiên tai, địch họa gây ra;

g) Giải quyết tranh chấp, khiếu nại tố cáo về các vấn đề liên quan đến việc bảo vệ công trình hạ tầng nông thôn trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

3. Các tổ chức, cá nhân được giao trực tiếp quản lý, khai thác công trình có trách nhiệm lập kế hoạch và quy chế quản lý trình cấp thẩm quyền phê duyệt; trực tiếp vận hành duy tu bảo dưỡng, sửa chữa công trình; quản lý sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí hỗ trợ của Nhà nước và các khoản huy động đóng góp của nhân dân.

Điều 9. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác đóng góp xây dựng, tham gia bảo dưỡng và sửa chữa thường xuyên hoặc khắc phục sự cố đột xuất, phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm hại các công trình kết cấu hạ tầng của xã thì được biểu dương, khen thưởng theo quy định chung của Nhà nước và của tỉnh.

Điều 10. Xử lý vi phạm

1. Khuyến khích các địa phương, cộng đồng hưởng lợi xây quy chế cộng đồng về xử lý vi phạm bảo vệ công trình hạ tầng, khi có vi phạm cần tổ chức sớm việc hoà giải, xử lý theo quy chế cộng đồng;

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật, xâm hại công trình hoặc thiếu trách nhiệm trong quản lý gây thiệt hại đến công trình kết cấu hạ tầng của xã, thì tùy theo mức độ có thể xử lý theo quy chế cộng đồng, quy ước hương ước của thôn bản, tổ dân phố, bồi thường thiệt hại, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 11. Điều khoản thi hành

Các địa phương và tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình cơ sở hạ tầng của xã có trách nhiệm thực hiện đúng Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Nguyễn Văn Vịnh